

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BB
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:07/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 02 -2024

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BB, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Xích Thị Bích Nhi
2. Ông Bá Đình Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chiêm Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Mỹ Tuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Cẩm Nh, sinh năm 1996(có mặt)

Địa chỉ: Tổ 1, thôn Suối Nh, xã L, huyện BB, tỉnh BTh

- Bị đơn: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1994(vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Lương B, thị trấn S, huyện BB, tỉnh BB

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phùng Cẩm Nh trình bày: Chị Phùng Cẩm Nh và anh Trần Thanh T tự nguyện yêu nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/10/2022 tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện BB. Sau khi kết hôn do tính chất công việc nên chị Nh đi làm tại Phan Thiết, mỗi tuần về sống cùng chồng tại nhà cha mẹ anh T.Sau thời gian kết hôn anh T và chị Nh không hạnh phúc do anh T không lo làm mà ham chơi game, thường xuyên vắng nhà nhiều ngày không về và không liên lạc vợ. Chị Nh cùng gia đình khuyên anh T nhưng không thành, sau 9 tháng kết hôn chị Nh và anh Tly thân không còn chung

sống vợ chồng. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng đoàn tụ hạnh phúc nên chị Phùng Cẩm Nh yêu cầu ly hôn anh Trần Thanh T. Trong thời gian chung sống vợ chồng chị Nh và anh T không có con chung và không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Thanh T vắng mặt và cũng không gửi văn bản ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của chị Phùng Cẩm Nh mặc dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết thông báo thủ tục thụ lý và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Vì vậy, vụ án không hòa giải được và đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa: chị Phùng Cẩm Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Trần Thanh T.

Bị đơn anh Trần Thanh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai cũng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BB phát biểu ý kiến đối với vụ án: Về việc tuân theo tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Về thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56; Điều 57 Luật HNGĐ năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phùng Cẩm Nh. Chị Nh được ly hôn anh Trần Thanh T; Về con chung: không có con chung; Về tài sản, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí: chị Phùng Cẩm Nh phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Phùng Cẩm Nh khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn anh Trần Thanh T có nơi cư trú tại thị trấn S, huyện BB, tỉnh B Th, Tòa án

nhân dân huyện BB thụ lý là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 02 nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không có trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy chị Phùng Cẩm Nh và anh Trần Thanh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện BB, tỉnh B Th (Giấy chứng nhận kết hôn số 135 ngày 18/10/2022) nên hôn nhân giữa chị Nh và anh T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp nên chị Phùng Cẩm Nh và anh Trần Thanh T phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ và chồng được quy định tại Điều 19; Điều 21 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vì vậy, vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, chung sống cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình để xây dựng gia đình hạnh phúc. Trừ trường hợp trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do công việc. Chị Nh trình bày do công việc nên sau khi kết hôn chị Nh về sống chung với nhà chồng, chị Nh đi làm tại Phan Thiết mỗi tuần về nhà cha mẹ chồng sống chung cùng anh T rồi tiếp tục đi lại, từ đó vợ chồng không thường xuyên ở cùng nhau nhưng anh T không quan tâm gia đình, tự đi chơi riêng nhiều ngày không liên hệ gia đình cùng vợ biết, nghiện chơi game, đem tài sản chung vợ chồng bán tiêu xài nên giữa chị Nh và anh T phát sinh mâu thuẫn sau khi kết hôn được 9 tháng. Chị Nh cũng có khuyên chồng lo làm phát triển kinh tế xây dựng cuộc sống gia đình nhưng anh T vẫn không thay đổi. Hiện nay chị Nh không chung sống vợ chồng với anh T và không còn tình cảm nên yêu cầu ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy lời trình bày của chị Nh anh Trần Thanh T không có ý kiến gì phản bác, chứng tỏ anh T đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng, cả hai không còn quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, làm cho tình cảm không còn. Khi chị Nh yêu cầu ly hôn anh T không quan tâm nên Hội đồng xét xử thấy rằng anh T không còn tha thiết hàn gắn hôn nhân với chị Nh, đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phùng Cẩm Nh được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị Phùng Cẩm Nh trình bày không có con chung với anh Trần Thanh T nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét được quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về án phí: Chị Phùng Cẩm Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đối với vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 19; Điều 21; Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phùng Cẩm Nh.

-Về hôn nhân: chị Phùng Cẩm Nh được ly hôn anh Trần Thanh T

-Về con chung: không có con chung.

-Tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét

-Về án phí: chị Phùng Cẩm Nh phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001363 ngày 11/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BB; chị Phùng Cẩm Nh đã nộp đủ án phí.

-Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B Th;
 - VKSND huyện BB;
 - THADS huyện BB
 - UBND T.T S (hộ tịch);
- (CNKH số 135/2022, ngày 18/10/2022)*
- Đương sự;
 - Lưu Hồ sơ vụ án, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thảo